TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC- VVMI

----------o0o----------

BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Hà Nội, tháng 3 năm 2021

Signature Not Verified
Ký bởi: Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực – VVMI
Ký ngày: 5-3-2021 11:21:19

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ
VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC – VVM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 381 /BC-APLUCO

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI năm 2020

I. Thông tin chung

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102274810
- Vốn điều lệ: 12 000 000 000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12 000 000 000 đồng
- Địa chỉ: số 506 đường Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 38272723
- Số fax: (024) 38780934
- *Website*: apluco.vn
- Mã cổ phiếu: **APL**

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực là Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng thuộc Công ty vật tư theo quyết định số 909 ĐT-NCĐLKT ngày 4/6/1974 của Bộ Điện và Than.

Ngày 8 tháng 6 năm 1981, Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than ra Quyết định số 23/MT-TCCB3 tổ chức lại Công ty phục hồi thiết bị trực thuộc Bộ Mỏ và Than (Gồm bộ máy quản lý của cơ quan Công ty và Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng) thành Xí nghiệp thu mua và phục hồi vật tư thiết bị trực thuộc Công ty Vật tư kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1981.

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, ngày 30/6/1993 Bộ trưởng Bộ Năng lượng có quyết định số 467 NL-TCCB-LĐ thành lập Xí nghiệp kinh doanh vật

tư và chế tạo bình áp lực trực thuộc Công ty Coalimex. Đến tháng 5/1995 chuyển sang trực thuộc Công ty Than Nội địa Tổng Công ty Than Việt Nam.

Tháng 10 năm 2004 Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư và Chế Tạo Bình áp lực chuyển thành Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực Than nội địa theo quyết định số 69/2004-QĐ-BCN ngày 30/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI)

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Gia công, chế tạo thiết bị áp lực và các sản phẩm Cơ khí.

+ Sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Kinh doanh hàng hóa, vật tư phục vụ khai thác mỏ.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chủ yếu tại các mỏ than tại tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Cơ chế quản trị công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng

(+) Đại hội đồng cổ đông

(+) Hội đồng quản trị

(+) Ban kiểm soát

(+) Ban giám đốc điều hành

- Cơ cấu bộ máy quản lý: 04 phòng chức năng, 02 phòng kinh doanh, 02 phân xưởng sản xuất.

(+) Các phòng chức năng:

* Phòng Tổ chức - Hành chính

* Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

* Phòng Kế hoạch – Vật tư

* Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn – Môi trường

(+) Các phòng trực tiếp kinh doanh

* Phòng Kinh doanh 1

* Phòng Kinh doanh 2

(+) Các phân xưởng sản xuất

* Phân xưởng Cơ khí - Phụ kiên hầm lò

* Phân xưởng Sửa chữa

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Dự báo sản lượng khai thác và tiêu thụ than trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng cao nên ngành cơ khí trong tập đoàn là ngành có thế mạnh giữ vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất than. Đây là cơ hội tốt để cho ngành cơ khí phát triển đặc biệt là chế tạo thiết bị áp lực, phụ kiện hầm lò và sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Duy trì ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;

+Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Ngành cơ khí là một trong những ngành được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với vị trí là ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ, đảm bảo khả năng tham gia sâu, có hiệu quả của nền kinh tế vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Chính vì vậy, trong Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét đến năm 2020 của Bộ Công Thương, đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2025, ngành cơ khí Việt Nam có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số phân ngành, lĩnh vực cơ khí có khả năng cạnh tranh, đáp ứng cơ bản các yêu cầu công nghiệp hóa của đất nước và xuất khẩu. Đến năm 2035, ngành cơ khí Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu… Chiến lược cũng đề ra mục tiêu cụ thể, đến năm 2025, tỷ trọng ngành cơ khí chiếm trên 21% và năm 2035 chiếm 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp. Năm 2025, ngành cơ khí đáp ứng trên 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2035 đáp ứng trên 60%. Dựa trên các đinh hướng công ty tiếp tục đầu tư mở rộng xưởng sản xuất, nâng cao năng lực thiết bị để đáp ứng yêu cầu của công việc, đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng thị trường ra ngoài ngành

5. Các rủi ro: Trong năm 2020 và các năm tiếp theo Công ty đang thiếu hụt lao động công nghệ trong lĩnh vực Sửa chữa và Cơ khí do công tác tuyển dụng gặp

nhiều khó khăn, nhưng với sự cố gắng và nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và người lao động Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên kinh tế của Việt Nam cũng như của thế giới gặp rất nhiều khó khăn, mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội đều chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cũng gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh, lượng than tiêu thụ nội địa giảm do nhu cầu tiêu thụ từ các nhà máy nhiệt điện và các hộ tiêu thụ khác giảm, dẫn đến than tồn kho của Tập đoàn ở mức rất cao so với những năm trước đây, chính vì thế các đơn vị đã phải giảm sản lượng than khai thác, dẫn đến nhu cầu mua sắm vật tư hàng hoá và sửa chữa tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh của các đơn vị khai thác than cũng giảm xuống nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh đó, Công ty vừa phải phòng chống dịch bệnh vừa thực hiện công tác san xuất kinh doanh đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Việc tiêu thụ sản phẩm hàng hoá của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn do thường xuyên phải cạnh tranh quyết liệt với các nhà cung cấp khác trong và ngoài Tập đoàn để bán hàng, lực lượng lao động trực tiếp bị thiếu hụt, nguồn nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh khan hiếm do các đơn vị cung cấp gặp khó khăn trong công tác nhập khẩu hàng hoá, giá nguyên vật liệu tăng mạnh vào cuối năm dẫn đến chi phí sản xuất tăng nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Mặc dù gặp không ít những khó khăn nhưng Công ty đã tích cực nắm bắt thời cơ, làm tốt công tác thị trường, phát huy tối đa các khả năng của mình trong công tác sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty còn nhận được được sự quan tâm tạo điều kiện của Tập đoàn TKV, Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, các đơn vị trong và ngoài Tập đoàn cùng với sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành nên Công ty vẫn duy trì ổn định công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra với một số kết quả cụ thể như sau:

2. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	*Nội dung chỉ tiêu*	*Đơn vị tính*	*Kế hoạch năm 2020*	*Thực hiện năm 2020*	*Tỷ lệ %*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Tổng doanh thu**	**Tr.đồng**	**350 000**	**399 117**	**114,03**
1	**Doanh thu sản xuất**	**Tr.đồng**	**170 000**	**192 759**	**113,39**

-	Sửa chữa thiết bị	Tr.đồng	40 000	45 096	112,74
-	Cơ khí thiết bị áp lực	Tr.đồng	10 000	12 279	122,79
-	Cơ khí khác	Tr.đồng	23 000	35 469	154,21
-	Sản xuất lưới thép	Tr.đồng	32 000	34 303	107,20
-	Sản xuất gông lò, thanh giằng, tấm chèn	Tr.đồng	60 000	59 239	98,73
-	Sản xuất cầu máng cào	Tr.đồng	5 000	6 373	127,45
2	**Kinh doanh tổng hợp**	**Tr.đồng**	**180 000**	**206 358**	**114,64**
-	Kinh doanh VTTB	Tr.đồng	180 000	206 358	114,64
II	**Lao động và tiền lương**				
1	Lao động bình quân	Người	140	119	85,00
2	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng.th	8.757	10,102	115,37
III	**Lợi nhuận**	**Tr.đồng**	**3 000**	**3 004**	**100,15**
IV	**Trả cổ tức 12% / vốn điều lệ 12tỷ**	**Tr.đ**	**1 440**	**1 440**	**100**
V	**Nộp ngân sách nhà nước**	**tr.đ**		**7 903**	
VI	**Tiền lương bình quân**	**đ.ng/thg**	**8 756 732**	**10 102 372**	**115,15**

3. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

1. Ông Nguyễn Mạnh Tú – Giám đốc điều hành Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	10/05/1978
Quê quán	Thái Học – Chí Linh – Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 853 152
Ngày cấp/Nơi cấp	16/6/2006 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 32A ngõ 168/23 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0904545453
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	654 cổ phần – tỷ lệ: 0,05% 654 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:	Không

2. Ông Phạm Công Lộc – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	25/04/1962
Quê quán	Hoằng Hóa – Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012 745 360
Ngày cấp/Nơi cấp	08/10/2004 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24,ngách 484/74, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0912346880
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế cơ khí
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	23.382 cổ phần – tỷ lệ: 1,95% 23.382 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:	4.000 cổ phần

3. Ông Nguyễn Hữu Toàn – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam

Năm sinh	24/05/1968
Quê quán	Phường Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 649 879
Ngày cấp/Nơi cấp	01/09/2005 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Phòng 202, nhà B số 129, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913 006 900
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân - Số cổ phần được Ủy quyền	4.800 cổ phần – tỷ lệ 0,40% 4.800 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	2.836 cổ phần

4. Bà Đặng Thị Quỳnh Trang – Kế Toán Trưởng

Giới tính	Nữ
Năm sinh	11/12/1981
Quê quán	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012193615
Ngày cấp/Nơi cấp	17/09/2013 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24a, Ngõ 62, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0915120181
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức	

đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	 2 528 cổ phần – tỷ lệ: 0,21% 2 528 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2020 là 115 người

+ Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, trong năm 2020 công ty đã ban hành hệ thống thang bảng lương mới đúng với quy định của Nhà nước. Triển khai rà soát và chuyển xếp lương theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản	155 992 248 719	126 003 324 871	80,77
Doanh thu thuần	503 704 407 427	399 117 619 436	79,24
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3 395 244 699	3 021 468 555	88,98
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	3 395 244 699	3 004 531642	88,48
Lợi nhuận sau thuế	2 280 883 515	2 437368 538	106,83
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%/12 tỷ đồng		100

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1.087	1.12	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.90	1.01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.89	0.87	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8.52	6.61	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	12.74	21.23	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3.22	3.17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.0045	0.0061	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.1900	0.1473	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.0146	0.0193	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.00674	0.0076	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2020.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn điều lệ

I	**Cổ đông trong nước**	**108**	**1.200.000**	**100%**
1	Cá nhân	107	588 000	49%
2	Tổ chức	1	612.000	51%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**0**	**0**	**0%**

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

* Nguyên vật liêu sản xuất lưới thép

- Dây thép các loại: 1 821 803 kg

* Nguyên vật liêu sản xuất các sản phẩm cơ khí.

- Thép các loại: 5 870174 kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Tổng công suất điện năng tiêu thụ: 228 000 Kw/năm

Trong đó:

+ Điện năng tiêu thụ cho sản xuất: 174 370 Kwh/năm

+ Điện năng tiêu thụ cho khu văn phòng: 53 000 Kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

***6.3. Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng Hiện nay công ty đang sử dụng.

- Lượng nước tiêu thụ cho sinh hoạt 480m3/ năm (Xí nghiệp nước sạch Gia Lâm)

- Lượng nước tiêu thụ cho sản xuất 36m3/ năm (nước giếng khoan)

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

*** Người lao động tại Công ty tại thời điểm 31/12/2020**

TT	Chỉ tiêu	Số lượng(người)
1	Lao động quản lý	18
2	Lao động kỹ thuật, nghiệp vụ	9
3	Lao động phụ trợ	2
4	Lao động phục vụ	6
5	Lao động trực tiếp	80
Tổng cộng		**115**

*** Chính sách đối với người lao động:**

- Người lao động có đủ việc làm, năng suất lao động tăng, thu nhập đảm bảo, người lao động yên tâm công tác. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng lên cụ thể như sau.

+ Năm 2019: 12 055 869đồng/người/tháng.

+ Năm 2020: 10 102 372đồng/người/tháng.

- Công ty áp dụng chính sách đào tạo và bồi dưỡng nâng tay nghề bậc thợ theo chính sách lao động áp dụng với DN nhà nước. Sử dụng thang bảng lương mới do Công ty xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn của ngành và hướng dẫn của Nhà nước, mức lương thấp nhất không thấp hơn lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định.

- Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động luôn được quan tâm.

- Có chính sách thu hút nhân tài, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi; công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh. Trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích tương sứng với công sức đóng góp của người lao động.

- Công tác định mức lao động, giao đơn giá tiền lương, nghiệm thu, quyết toán lương hàng tháng được thực hiện kịp thời. Tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động được trả đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ hạn và được thể hiện đầy đủ trong sổ lương của từng cá nhân và sổ lương doanh nghiệp.

- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện đầy đủ kịp thời đúng quy định của Pháp luật và các quy chế của Công ty như: Việc quản lý hồ sơ của người lao động, giải quyết các thủ tục HĐLĐ, tiếp nhận, điều động, nghỉ hưu, chính sách về bảo hiểm xã hội, hưu trí, ốm đau thai sản, nghĩ dưỡng sức, nghỉ phép, điều dưỡng, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại…

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: *(Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 cùng với HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong kinh doanh; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 399.117 tr.đồng/350.000 tr.đồng = 114.03%
- Nộp ngân sách nhà nước: 7 903 tr.đồng
- Tiền lương bình quân đg/ng/thg: 10 102 372 đồng/ 8 756 372 đồng = 115.37%
- Lợi nhuận trước thuế: 3 004 tr.đồng/3 000 tr.đồng = 100.15%
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 2 437 tr.đồng

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020: 126 003 324 871 đồng

Trong đó: - Tài sản ngắn hạn: 122 751 09 881 đồng

- Tài sản dài hạn: 3 252 233 990 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả.

* Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020: 126 003 324 871 đồng

Trong đó: - Nợ phải trả: 109 456 285 029 đồng

- Vốn chủ sở hữu: 16 547 039 842 đồng.

* Các chỉ tiêu tài chính:

- Hệ số bảo toàn vốn: H= 1,00954
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 6,61
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,01
- Hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH (ROE): 0,20

+ Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 0,0147

Nhìn vào các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn, Công ty có đủ khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình khi đến hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2020 Công ty đã kiểm tra, rà soát lại các nội quy, quy chế, quy định, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đảm bảo chính xác trong công tác giao và nhận khoán tại các đơn vị.

- Năm 2020 được xác định là năm tiếp tục nâng cao đời sống người lao động để họ yên tâm công tác lâu dài tại công ty.

- Đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí nhân công trong lúc lực lượng lao động đang giảm dần.

Lãnh đạo đặt ra những quan tâm giải quyết trước:

- Công tác cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực;
- Có quy chế kiểm soát chặt chẽ giá cả đầu vào;
- Làm tốt công tác quản trị doanh nghiệp;
- Chất lượng sản phẩm đi kèm theo tiến độ sản xuất phải đảm bảo theo quy định
- Ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- Doanh thu: 350 tỷ đồng

- Lợi nhuận: 3 tỷ đồng

- Cổ tức: 12 %

- Tổng thu nhập bình quân: 10 350 000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

- Năm 2020 Công ty thực hiện tốt các cam kết trong Đề án bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu về xả thải đạt tiêu chuẩn cho phép, môi trường làm việc được cải thiện, định kỳ tổ chức quan trắc và đánh giá tác động môi trường đến điều kiện làm việc tại công ty và khu vực xung quanh. Công ty đã làm thủ tục và được cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty đã làm tốt các mối quan hệ đối với địa phương, làm tốt công tác an ninh trật tự đảm bảo không để xảy ra mất trật tự tại nơi công ty hoạt động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2020 nhìn chung mọi hoạt động của Công ty có nhiều cố gắng. Cán bộ công nhân viên và người lao động đã có gắng vượt qua những khó khăn để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Công ty đã làm tốt công tác bảo vệ môi trường đặc biệt là môi trường làm việc cho người lao động trực tiếp sản xuất. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định.

- Đối địa phương nơi công ty đặt trụ sở, Công ty đã làm tốt công tác xã hội như công tác tuyển dụng con em trên địa bàn vào làm việc tại công ty, tham gia và đóng góp đầy đủ và có trách nhiệm đối với địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Với sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy công ty, năm 2020 Ban Giám đốc công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao. Các đồng chí trong Ban Giám đốc đã chủ động trong công tác điều hành, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động từ đó điều chỉnh công tác quản lý phù hợp với từng giai đoạn sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực – VVMI, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán). (file đính kèm)

Nơi nhận:
- Sở GDCK HN; Ủy ban CK NN;
- Tổng công ty CNMVBTKV-CTCP (b/c)
- Thành viên HĐQT, BKS
- Website Công ty
- Lưu VP, HĐQT(12b)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Tú

T.C.P ★ IO